

PHỤ LỤC II
Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP SÓC TRĂNG
MSDN : 2200108639

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 180 /BC-CT

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 6 năm 2023

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1;

Căn cứ vào Quyết định số 994/QĐ-UB ngày 14/04/2022 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng như sau :

+ Thực hiện các công trình Lâm sinh :

- Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ năm 1: 235,60 ha/472,56 ha đạt 50% KH
- Chăm sóc, quản lý, bảo vệ rừng năm 2: 222,99 ha/222,99 ha đạt 100 % KH
- Chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng năm 3: 176,79 ha/176,79 ha, đạt 100% KH
- Vệ sinh chặt nuôi dưỡng rừng: 256,72ha/483,68 ha đạt 53,07% KH năm
- Quản lý, bảo vệ rừng : 1.762,82ha/1.1.764,51ha đạt 99,90% KH năm
- + Khai thác rừng trồng: 407,94 ha/402,06ha đạt 101% KH năm
- + Doanh thu: 27.306.096.474 đồng/ 26.203.000.000 đồng đạt 104,20 % KH

năm

+Lợi nhuận trước thuế : 5.626.855.490 đồng/2.331.000.000 đồng đạt 241,39 % KH năm

+Lợi nhuận sau thuế: 4.958.886.706 đồng /2.018.000.000 đồng đạt 245,73 % KH năm

+ Thuế và các khoản nộp nhà nước: 1.897.275.691đồng/512.000.000 đồng, đạt 370,56% KH năm

* Nhận xét đánh giá:

1. Công tác trồng rừng, chăm sóc QL BVR năm 1:

- Công tác trồng rừng: Chưa đạt theo kế hoạch, Nguyên nhân: Khách hàng chưa khai thác xong để bàn giao mặt bằng, do nhiều nguyên nhân khác như triều cường dâng cao, sức tiêu thụ củ tràm giảm, thiếu nhân công, đường vận xuất, vận



chuyển khó khăn (đề bao kếp kín) khách hàng khai thác chậm tiến độ, Công ty thiếu vốn đầu tư kê líp trồng rừng..)

- Công tác chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng: Công tác chăm sóc quản lý bảo vệ rừng thực hiện: 86,56 ha/ 86,56 ha đạt 100% kế hoạch.

2. Chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng năm 2: Thực hiện trong năm 176,79ha/176,79ha đạt 100% kế hoạch năm, Thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ còn công tác chăm sóc rừng chưa thực hiện.. Nguyên nhân: Rừng trồng trên líp kê, cây phát triển tốt, ít thực bì.

3. Chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng năm 3:
+ Công tác QLBRV thực hiện: 292,23ha/292,23ha đạt 100% kế hoạch năm năm.
+ Công tác chăm sóc: 13,76 ha (chỉ thực hiện những diện tích rừng trồng có thực bì phát triển mạnh, lán át cây trồng) rừng keo không thực hiện. Chăm sóc đạt yêu cầu, cây sinh trưởng và phát triển tốt.

4. Công tác vệ sinh chặt nuôi dưỡng rừng: Thực hiện 256,56 ha/483,68ha đạt 53,07% KH năm. Chỉ thực hiện những diện tích có thực bì đầy.

5. Khai thác rừng trồng: 407,94 ha/402,06ha đạt 101% KH năm

6. Tổng doanh thu: Thực hiện trong năm 27.306.096.474 đồng /26.203.000.000 đồng đạt 104,20 % KH năm.

7. Lợi nhuận trước thuế: 5.626.855.490 đồng/2.331.000.000 đồng, đạt 241,39 % KH năm.

8. Thuế và các khoản nộp nhà nước: 1.897.275.691đ/512.000.000 đ đạt 370,56% KH năm

- **Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.**

+ **Thuận lợi:**

Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; sự hỗ trợ có hiệu quả của các sở, ngành, chính quyền địa phương trong công tác sản xuất, quản lý bảo vệ rừng (QLBRV), phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR) và công tác giải quyết lán chiếm đất rừng.

Nội bộ đoàn kết, việc làm ổn định, người lao động an tâm, gắn bó với đơn vị, nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

+ **Khó khăn:**

Do ảnh hưởng biến đổi khí hậu: mưa, nắng bất thường, triều cường dâng cao; nguồn lao động ở nông thôn ngày càng khan hiếm, những lao động trẻ chuyển dịch về Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền đông, còn lại đa số là người lớn tuổi, nên đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ SXKD của Công ty (trồng, chăm sóc khai thác rừng).

Thị trường tiêu thụ cừ tràm giảm sút mạnh do một số công trình xây dựng lớn chuyển đổi kết cấu hạ tầng thiết kế cọc bê tông. Gỗ rừng trồng có nhiều biến động theo chiều hướng giảm, mặt khác gỗ nhân tạo, ván ghép, ván lạng ngày càng được ưa chuộng và phổ biến.

Đa số nhân công chăm sóc rừng là các hộ sông ven các Phân trường làm bán thời gian nên vào vụ thu hoạch lúa, mía bị thiếu hụt nhân công.

Giá vật tư nông nghiệp không ổn định (thuốc cỏ, thuốc trừ sâu ...) có xu hướng tăng, làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thiếu vốn phục vụ cho sản xuất, khó tiếp cận được nguồn vốn tín dụng..

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP



| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch | Giá trị thực hiện | Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*) |
|----|------------------------------------|---------|----------|-------------------|---|
| 1 | Sản phẩm chủ yếu sản xuất | | | | |
| a) | Sản phẩm 1 (Cừ tràm , keo lai) | ha | 402,06 | 407,94 | |
| b) | Sản phẩm 2 | | | | |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 26.230 | 27.306 | |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 2.331 | 5.626 | |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 2.018 | 4.959 | |
| 5 | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước | Tỷ đồng | 0.512 | 1.897 | |
| 6 | Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có) | Tỷ đồng | / | / | |
| 7 | Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có) | | / | / | |
| 8 | Tổng số lao động | Người | 42 | 42 | |
| 9 | Tổng quỹ lương | Tỷ đồng | 5.637 | 5.637 | |
| a) | Quỹ lương quản lý | Tỷ đồng | 1.494 | 1.494 | |
| b) | Quỹ lương lao động | Tỷ đồng | 4.143 | 4.143 | |

Lưu ý:

(*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo Phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

